

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 65/2021/HC-ST

Ngày 21/10/2021

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cù Thị Lan, ông Lê Ngọc Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc: Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 65/2021/TLST-HC ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2021/QĐXXST-HC ngày 24/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2021/QĐST-HC ngày 08/10/2021, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Ông Nguyễn X, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 305/42 Hà Huy Tập, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc ; vắng mặt.

2. Bà Thái Thị H – sinh năm 1958; địa chỉ: Số 305/42 Hà Huy Tập, phường Tân Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hoàng Ngọc Tửu; địa chỉ: Tò dân phố 7, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc (theo văn bản ủy quyền công chứng ngày 17/5/2021 và ngày 19/5/2021) - Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Hưng – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Ông Đoàn Ngọc Thương – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc. Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2021. Địa chỉ: 01 Lý Nam Đế, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc - Vắng mặt

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố B: Ông Phạm Văn Thái – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.*

Địa chỉ: 327 Hà Huy Tập, P.Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Văn Thị Ph, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Mỹ V, bà Dương Thị Thái Phụng, Dương Thị Thái Hạnh, ông Dương Hiền P. Cùng địa chỉ: 305/42 Hà Huy Tập, P.Tân Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. (Đều vắng mặt.)

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Văn Thị Ph, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Mỹ V, bà Dương Thị Thái Phụng: Ông Nguyễn X Bốn; Địa chỉ: Tò dân phố 5, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (theo văn bản ủy quyền công chứng ngày 14/6/2021 và 16/6/2021) - Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người khởi kiện ông Nguyễn X, bà Thái Thị H, và người đại diện theo ủy quyền của Xuân, bà H trình bày:*

Năm 1996 hộ gia đình bà Thái Thị H, hộ ông Nguyễn X ký Hợp đồng nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp với Công ty Cà phê B (nay là Công ty TNHH-MTV Cà phê B tỉnh Đắk Lắk) với Diện tích đất khoán và nhận khoán của hộ bà Thái Thị H: 4.950m² và hộ ông Nguyễn X là: 5.200m²

Ngày 29 tháng 3 năm 2012 hộ bà Thái Thị H, hộ ông Nguyễn X đối chiếu công nợ với Công ty TNHH-MTV Cà phê B tỉnh Đắk Lắk trong đó bà Thái Thị H ký lại Hợp đồng nhận khoán kinh tế số: 33Đ3/2012/ HĐ với thời gian khoán và nhận khoán hết ngày 31-12-2020; tiền sản phẩm phải nộp 01 năm là: 953.400 đồng và ông Nguyễn X tiếp tục ký lại Hợp đồng khoán, nhận khoán số: 35Đ3/2012/ HĐ, thời gian khoán, nhận khoán hết ngày 31-12-2020.

Quá trình thực hiện Hợp đồng khoán và nhận khoán đất sản xuất nông nghiệp nói trên của hộ bà Thái Thị H và hộ ông Nguyễn X cho tới ngày khiếu kiện (20-5-2021), hộ bà Thái Thị H và hộ ông Nguyễn X không vi phạm hợp đồng nhận khoán và chưa thực hiện thủ tục thanh lý Hợp đồng khoán, nhận khoán và thực hiện thủ tục giải thể Công ty TNHH-MTV Cà phê B tỉnh Đắk Lắk (Luật Doanh nghiệp 2014) đối với hộ bà Thái Thị H và hộ ông Nguyễn X.

Ngày 04/01/2017 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định 07/2017/QĐ-UBND về thu hồi 5.138.059,7m² đất của Công ty TNHH-MTV Cà phê B trong khu vực hành chính tại các xã phường, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và giao 897.744.7m² cho Ủy ban Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo pháp luật đất đai, trong đó có thu hồi của hộ bà Thái Thị H 4.950m² và ông Nguyễn X là: 5.200m². Trong khi đó UBND thành phố B tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số:

3102/QĐ-UBND ngày 21-4-2020 UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk cho 18 hộ, trong đó có hộ gia đình bà Thái Thị H thu hồi là: 4.900m² và hộ ông Nguyễn X thu hồi là: 5.200m². Sau đó Ủy ban Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk tiếp tục ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND Ngày 08-7-2020 về phê duyệt bổ sung phương án, bồi thường chi phí đầu tư còn lại khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk, trong đó có hộ gia đình Thái Thị H và hộ ông Nguyễn X theo diện tích đã thu hồi. Xét thấy 02 Quyết định trên chưa đề cập về khoản bồi thường hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; Hỗ trợ khoản ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ các khoản khác khi nhà nước thu hồi đất và khoản lãi chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tính từ ngày 04/02/2017 đến thời điểm UBND thành phố B ban hành thông báo chi trả tiền bồi thường là ngày 07/5/2019. Nay hộ ông Nguyễn X và bà Thái Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án: Tuyên hủy một phần quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và một phần quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố B tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải Hỗ trợ khoản ổn định đời sống và sản xuất. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm. Hỗ trợ các khoản khác khi nhà nước thu hồi đất và khoản lãi chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tính từ ngày 04/02/2017 đến thời điểm UBND thành phố B ban hành thông báo chi trả tiền bồi thường là ngày 07/5/2019. Trong quá trình giải quyết những người khởi kiện gồm hộ ông X, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản hỗ trợ khác khi nhà nước thu hồi đất.

** Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND thành phố B trình bày:*

Căn cứ Quyết định 07/QĐ-UBND, ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 5.138.059 m² đất tại các xã, phường, thành phố B; Trong đó giao diện tích 897.744,7 m² đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315 m² đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-UBND, ngày 11/06/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về việc phê duyệt dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố Buôn Ma Thuột (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học Buôn Ma Thuột, 5,4 ha).

Trên cơ sở đó UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/04/2020, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường

Vành đai phía Tây và Đại học Buôn Ma Thuột, 5,4 ha), sau đó UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND Ngày 09/07/2020 về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất.

Quá trình ban hành quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/04/2020 và 4801/QĐ-UBND ngày 09/07/2020 UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk việc thu hồi diện tích đất của hộ bà Thái Thị H 4.950m² và ông Nguyễn X là 5.200m² là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Căn cứ khoản 1, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì ông Nguyễn X và bà Thái Thị H không đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ cho các hộ sử dụng đất theo hợp đồng liên kết sản xuất cà phê được ký giữa từng hộ và Công ty TNHH MTV cà phê B. Do toàn bộ diện tích đất của Công ty TNHH MTV cà phê B đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trước thời điểm Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ (có hiệu lực ngày 03/3/2017).

Do đó, việc ông Nguyễn X và bà Thái Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và một phần quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố B tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk, đối với ông Nguyễn X và bà Thái Thị H là không có cơ sở chấp nhận.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cùng quan điểm với người khởi kiện.*

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trình bày: Nhất trí với lời khai của UBND thành phố B và không bổ sung gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn X và bà Thái Thị H.*

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn X và bà Thái Thị H về việc: “*Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây*

dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, Tp. B (giáp đường vành đai phía Tây và Đại học B 5.4ha)”;

Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bổ sung hỗ trợ chi phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất và thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền bồi thường, hỗ trợ chậm trả và thời gian chậm trả tính từ ngày ban hành quyết định thu hồi đất (ngày 04/01/2017) đến ngày có thông báo chi trả tiền bồi thường cho hộ ông Nguyễn X và hộ bà Thái Thị H. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hỗ trợ khác khi Nhà nước thu hồi đất của ông Nguyễn X và bà Thái Thị H, do người khởi kiện rút đối với phần yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn X và bà Thái Thị H khởi kiện yêu cầu tuyên một phần quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và một phần quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk, trong đó có hộ gia đình bà Thái Thị H và hộ ông Nguyễn X. Đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn X và bà Thái Thị H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì việc ông Nguyễn X và bà Thái Thị H khởi kiện vào ngày 20/4/2020 là còn trong thời hiệu khởi kiện, đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện, nên được xem xét, giải quyết theo quy định.

[3] Trong quá trình giải quyết đến ngày 21/6/2021 những người khởi kiện ông Nguyễn X và bà Thái Thị H có đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện về khoản “yêu cầu UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk hỗ trợ các khoản hỗ trợ khác khi nhà nước thu hồi đất”. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần nội dung khởi kiện trên là hoàn toàn tự nguyện căn cứ vào khoản 2 Điều 165 BLTTHC. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của ông X, bà Hòa về “yêu cầu UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk hỗ trợ các khoản hỗ trợ khác khi nhà nước thu hồi đất”.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi

đất. Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất, khi nhà nước thu hồi đất và; hỗ trợ thêm khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4-1] Xét về nguồn gốc đất Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thu hồi của người khởi kiện là của Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV cà phê B quản lý sau đó Công ty cà phê B đã ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với các hộ ông Nguyễn X, diện tích 5.200m² thời hạn hợp đồng từ ngày 29/3/2012 đến ngày 31/12/2020 hộ bà Thái Thị H diện tích 4.950m² thời hạn hợp đồng từ ngày 29/3/2012 đến ngày 31/12/2020 vẫn còn đang thời hạn thuê đất.

[4-2] Ngày 04/01/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,8 m² đất của Công ty cà phê Buôn Ma Thuột; giao cho UBND thành phố B 4.240.315m² đất còn lại quản lý, lập phương án sử dụng đất. Trong tổng diện tích đất thu hồi tại phường T thành phố Buôn Ma Thuột, có diện tích đất của Công ty cà phê B đã ký hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với các hộ ông Nguyễn X và hộ bà Thái Thị H. Sau đó UBND thành phố mới ban hành các quyết định: Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk, trong đó có hộ gia đình bà Thái Thị H và ông Nguyễn X.

[5-1] Xét yêu cầu của những người khởi kiện về việc buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất.

Tại Khoản 6 Điều 4 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định:

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 129 của Luật đất đai;

b) Mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.”

Đối chiếu với quy định trên thì thấy hộ ông Nguyễn X và bà Thái Thị H thuộc trường hợp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, ý kiến của người bị kiện cho rằng không thực

hiện hỗ trợ, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là do toàn bộ diện tích đất của Công ty THHH MTV cà phê B đã được UBND tỉnh thu hồi tại quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trước thời điểm Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ có hiệu lực ngày 03/3/2017 là không có căn cứ. Bởi lẽ, đến ngày 21/4/2020 và ngày 08/7/2020 UBND thành phố B mới ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường nên phải áp dụng pháp luật có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường mới đúng quy định của pháp luật.

Qua xác minh thực trạng lao động nghề nghiệp điều tra tổng diện tích đất sử dụng của hộ gia đình được UBND phường T, thành phố Buôn Ma Thuột xác nhận ngày 05/03/2020 thì hộ gia đình ông X có 05 người là ông Nguyễn X, bà Văn Thị Ph, anh Nguyễn Quốc T, chị Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Mỹ V có nghề nghiệp làm nông; hộ gia đình bà H có 02 người gồm bà Thái Thị H, anh Dương Hiền P. Nguồn thu nhập chính và duy nhất là dựa vào thu nhập từ diện tích đất giao khoán với Công ty THHH MTV cà phê B mà không có nguồn thu nhập và công việc nào khác.

Như vậy, khi ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, UBND thành phố B không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm hộ ông Nguyễn X và bà Thái Thị H là không đúng quy định pháp luật.

[5.2] Xét yêu cầu của những người khởi kiện về việc buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất khi nhà nước thu hồi đất:

Theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 của Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ:

Điều 19. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

Việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất gồm các trường hợp sau:

d) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông, lâm trường quốc doanh khi Nhà nước thu hồi mà thuộc đối tượng là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp; hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó;

2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm

đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông trường, lâm trường quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất.

Đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai; điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; được sửa đổi bổ sung tại khoản 5, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP thì hộ ông X, bà H thuộc diện được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất. Hơn nữa quá trình thu hồi hộ ông X, bà H đã thu hồi toàn bộ diện tích giao khoán. Tuy nhiên, khi thu hồi đất của hộ ông Nguyễn X và bà Thái Thị H, Ủy ban nhân dân thành phố B đã không thực hiện việc hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất là không đúng quy định pháp luật.

[5.3] Xét yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện về yêu cầu UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chi trả khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất:

Tại khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

“1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.”

Như vậy những người khởi kiện yêu cầu UBND thành phố B chi trả thêm khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tính từ ngày 04/02/2017 đến thời điểm UBND thành phố B ban hành thông báo chi trả tiền bồi thường là ngày 07/5/2019 là chậm với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu trên của ông X, bà H.

[6] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn X, bà Thái Thị H. Về việc hủy một phần các Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và số 4801/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk. Để bổ sung phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Phần hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất. Chi trả thêm khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn X và bà Thái Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn X, bà Thái Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, ông X được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 60AA/2021/0007311 ngày 02/6/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do ông Nguyễn X Bón

nộp thay). Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 2 Điều 165; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 83; khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[2] Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn X và bà Thái Thị H về “yêu cầu UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ các khoản hỗ trợ khác khi nhà nước thu hồi đất”.

[3] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn X, bà Thái Thị H. Về việc hủy một phần các Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và số 4801/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk (giáp đường vành đai phía Tây và Đại học B 5.4ha). Để bổ sung phần hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Phần hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất. Chi trả khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ ông Nguyễn X và bà Thái Thị H theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn X, bà Thái Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, ông X được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 60AA/2021/0007311 ngày 02/6/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do ông Nguyễn Xuân B nộp thay). Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp cho đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự, người đại diện hợp pháp cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Bằng

